

Chiều cạnh văn hóa của sự hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa

GS. TƯỜNG LAI

Chủ động trong quá trình hội nhập

Trong cái thế không thể đứng đó thì mạnh dạn nhập cuộc với một thái độ thật sự chủ động và bình tĩnh trong nhận định và phân tích tình hình một cách nghiêm cẩn, không tự thị mà cũng chẳng tự ti, vừa tự tin để có bản lĩnh dẫn thân nhưng lại vừa thật lòng khiêm tốn học hỏi người để hạn chế sự thiếu kinh nghiệm, thiếu hiểu biết của mình, theo tôi, đây là một thái độ, một nét văn hóa cần thiết.

Các nước đang phát triển đã có bài học kinh nghiệm sâu sắc đối với sự áp đặt của "chủ nghĩa tân tự do" đã từng muốn tự mình trở thành "tư duy duy nhất" của loài người, thể hiện thành cái gọi là "đồng thuận Washington" do Mỹ và các tổ chức tài chính quốc tế là IMF và WB vừa sách nước vừa áp đặt cho các nước ở châu Mỹ la-tinh từ đầu thập kỷ 70 và được bổ sung, phát triển với những nội dung "ổn định hóa" và "điều chỉnh cơ cấu" tóm tắt trong 10 điều được tuyên truyền như một "liều thuốc vạn năng" cho mọi quốc gia!

Sự thật thì "đồng thuận Washington" có kết quả trong một số chương trình "ổn định hóa" song lại cực hiếm thành công trong những chương trình "điều chỉnh cơ cấu" để phát triển. Trong lúc đó thì những nước công nghiệp mới (NICs) châu Á chẳng những không theo mà còn có điểm khác hẳn "đồng thuận Washington" lại gạt hái được những thành tựu lớn.

Rõ ràng là, các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển như nước ta, thực hiện quá trình hội nhập không phải chỉ để tuân theo các luật chơi đã có sẵn và đủ cả rồi, không phải chỉ để tận hưởng các lợi ích, cũng chẳng phải chỉ để làm trọn nghĩa vụ. Điều cực kỳ quan trọng của sự chủ động tham gia vào quá trình hội nhập ấy là để có thể góp phần sửa chữa và bổ sung các luật chơi đã có nhưng còn nhiều điểm sai hoặc thiếu, cũng có thể vừa sai vừa thiếu. Từ đó, tham gia vào việc tạo ra những luật chơi

và cho phép phát huy bản lĩnh văn hóa, nâng cao những nét văn hóa tiến bộ, loại bỏ những nét văn hóa lỗi thời, lạc hậu của từng dân tộc.

Làm được điều này quả là không đơn giản vì ở đây vừa là sự phấn đấu để tự nâng tầm vóc của dân tộc mình lên ngang với tầm vóc của thời đại, và để thực hiện được sứ mệnh lớn lao đó lại phải dám có sự tự phản tỉnh, tự chỉ trích về những mặt yếu kém của con người Việt Nam chúng ta đối diện với đòi hỏi mới, thách thức mới. Chính

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình đang diễn ra bất chấp mọi sự đồng tình hoặc phản đối của mỗi quốc gia, từng dân tộc và mọi nhóm xã hội khác nhau. Bản chất của "cuộc chơi" này, về "trận chiến này", ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai dại khờ thì mất nhiều hơn được, có thể "được mất" rất to nhưng hầu như không thể "được hết" hoặc "mất hết". Chỉ có một tình huống chắc chắn là mất hết, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hóa, khước từ hội nhập.

mới, lành mạnh và tốt đẹp hơn. Làm như vậy cũng chính là để góp phần tạo nên bộ mặt nhân văn của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế với hàm nghĩa đó là sự nghiệp của con người, do con người, vì con người.

Với ý nghĩa đó thì toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, theo quan niệm và mong muốn của chúng ta, phải là một công trình văn hóa và nhân văn cao cả, đòi hỏi

ở đây sẽ động chạm đến tầng sâu của "kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội" (infrastructure socio-psychologique).

Phải thấy hết mặt mạnh của con người Việt Nam trước thách thức của hội nhập, và khó hơn, nhưng cũng lại cần cấp hơn, là thấy cho được mặt yếu của con người Việt Nam ta trước thách thức đó.



Ảnh Nguyễn Ngọc Đạo

Ngược dòng lịch sử để nhìn lại mình

Trong ánh hào quang của những chiến thắng lẫy lừng của những cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đánh thắng cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, sự say sưa về thắng lợi đã bị gội một gáo nước lạnh của những khó khăn dồn dập sau chiến tranh. Đó là sự bực vờ một mô hình kinh tế không còn đủ sức tạo ra động lực của sản xuất và phát triển, dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng và kéo dài, tạo nên một hụt hẫng lớn trong tâm trạng xã hội. Sự nghiệp đổi mới là một tất yếu lịch sử để cứu vãn tình thế và đưa đất nước vượt qua chông gai mà đi tới.

Phải làm cho cả dân tộc đừng ngủ quên trong hào quang của quá khứ, đừng ngủ quên trên vụ mùa vừa thu hoạch mà không thấy rằng bão táp, lũ lụt đang chập chờn phía trước. (Nếu nói theo nghĩa đen trần trụi, chỉ một việc rất giá gạo trên thị trường gạo khu vực và thế giới cũng có thể làm lao đao hàng chục triệu gia đình nông dân lam lũ với "tấc đất, tấc vàng"). Đường như chúng ta chưa có được sự dũng cảm cần thiết và quyết liệt để thấy cho đủ, cho sâu chỗ thiếu, chỗ yếu của dân tộc mình đối diện với những thách thức của thời đại. Vì thiếu thông tin, điều đó quá đúng. Nhưng không chỉ có thế.

Phải đưa thông tin đến cho mọi người, đến cho được tận hang cùng, ngõ hẻm, vùng sâu, vùng xa... Để làm gì? Để đánh thức những người đang quá vất vả và vì miếng cơm, manh áo mà phải an phận trên một mặt bằng dân trí quá thấp. Tôi cứ băn khoăn mãi về một nhận định gần đây của một nhà văn, anh vốn rất am hiểu về nông dân vì chính anh cũng từ ruộng cày mà đến với thơ ca và các giảng đường đại học, viết về người nông dân, đội quân chủ lực của mọi cuộc cách mạng và mọi chiến công của lịch sử, hiện đang chiếm đến gần 80% dân số:

"Họ khổ đến mức không còn biết là mình khổ nữa. Người nông dân ta dường như không có thói quen so sánh mình với người dân ở các nước tiên tiến, cũng không so sánh với dân đô thị. Họ chỉ so sánh mình với chính mình thôi. Và thế là thấy mình sướng quá.... Bây giờ thì chẳng cần phải lạ ông Giời cũng có bát cơm đầy và khúc cá to rồi. Thế là sướng. Vua cũng chẳng bằng mình. Ông Giời, ông Phật gì cũng cứ thua mình tất... Đẳng chia cho họ một cái nổi đồng, một cái chảo gang, một cái cối đá thúng trong cái cách ruộng đất, cũng đủ để họ nhớ suốt đời, biết ơn suốt đời. Rồi họ



mang xương máu của chồng, của con, của chính họ ra để trả nghĩa. Hàng triệu người chết trong mấy cuộc chiến tranh. Hàng vạn người cho đến tận hôm nay vẫn không tìm thấy hài cốt. Họ chiến đấu hi sinh để bảo vệ Tổ quốc, dĩ nhiên là như vậy rồi, nhưng không hẳn chỉ có như vậy. Sự đền ơn trả nghĩa ấy mới thiêng liêng và dữ dội biết bao. Bởi thế, chẳng có sự phản trắc nào có thể tồn tại được ở đất nước trong vắt một bầu khí quyển nông dân." (1)

Tôi băn khoăn là băn khoăn ở chính cái "bầu khí quyển nông dân" này, băn khoăn chính ở cái chuyện "chỉ so mình với chính mình thôi".

Phải chăng chính cái đó lại là cái trở ngại lớn nhất trên con đường phát triển của dân tộc ta hôm nay? Để hóa giải cái băn khoăn ấy, tôi cố điểm lại những "vang bóng một thời" của cái bầu khí quyển nông dân ấy, thử xem nó đã đổi thay như thế nào khi chúng ta đang bước vào một cuộc đo sức mới.

Là chủ lực quân của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, họ đã rời lũy tre làng, bôn ba khắp chốn. Với cái cốt cách "chân cứng đá mềm", bàn chân họ đã bước khắp mọi nẻo đường của đất nước từ Bắc chí Nam. Nhiều người đã nằm lại vĩnh viễn. Những người trở về lại làng quê của mình mang theo những hành trang mới về văn hóa và lối sống học được bên ngoài lũy tre làng quen thuộc mà trước kia cha ông họ chưa từng biết và cũng chưa từng truyền lại cho họ. Chính những cái đó đem lại khởi sắc cho bộ mặt nông thôn vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX bước vào thế kỷ XXI.

Đường như chúng ta vẫn chưa đầy tới tận cùng của sự nhận thức sâu sắc rằng "mỗi bước tiến mới sẽ tất yếu biểu hiện ra như là một sự xúc phạm tới cái thiêng liêng, là một sự nổi loạn chống lại trạng thái cũ đang suy đồi nhưng được tập quán thần thánh hóa." (2)

Cái tập quán của hệ thống làng xã khép kín và tự trị xưa kia vốn có tác dụng lớn trong tổ chức chống ngoại xâm, bảo tồn nền văn hóa dân tộc thì những tàn dư còn đọng lại của nó hôm nay lại là lực cản cho sự phát triển. Chính nó đã góp phần khá lớn vào sức trì kéo, gây cản trở cho quá trình hội nhập. Cần suy ngẫm sâu về cái tập quán đó.

Nếu làng xã là mô hình xã hội và văn hóa truyền thống, thì bên cạnh những giá trị cần bảo lưu và đổi mới, phải thấy rõ đó là cái nguồn mạch của sự thối cận và thủ cựu. Mô hình ấy dễ làm nảy sinh và duy trì một lối sống dễ bằng lòng với cái hiện có, dễ thỏa hiệp, ngại "rút giây động rừng", tự an ủi "tránh voi chẳng xấu mặt nào", sợ "sinh sự thì sự sinh" cho nên chủ trương "cơm sôi nhỏ lửa", "một điều nhịn là chín điều lành". Cái đã có vốn quen thuộc và có uy lực vì nó mang tính ổn định trì trệ.

Cái "đã định hình" ấy khước từ mọi sự canh tân. Nó củng cố tính bảo thủ được khoác cho những tấm áo đủ mọi màu sắc để xoa dịu những số phận bị kìm hãm, để đánh lừa những đầu óc muốn đổi mới. Tâm lý "trâu ta ăn cỏ đồng ta" ngăn chặn mọi sự đổi mới, vươn xa, bóp chết những khát vọng giải phóng cá nhân, kích thích tâm tôi phát huy năng lực mới, cổ vũ những suy nghĩ táo bạo và sáng tạo. Cung cách "sống lâu lên lão làng", cái trật tự "lão quyền", "ông bảy mươi phải hỏi ông bảy mươi mốt" đã làm thui chột sức trẻ và sự năng động sáng tạo của tuổi trẻ, mặc dầu vẫn tự nhủ rằng "con hơn cha là nhà có phúc".

Chính đấy là mảnh đất nuôi dưỡng sự trì trệ, "an phận thủ thường" được củng cố bằng chủ nghĩa bình quân, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa quan liêu! Chủ nghĩa bình quân gắn liền với lối sống tiểu nông của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, năng suất quá thấp, không có tích lũy xã hội, triển miên trong sự thiếu thốn. Chủ nghĩa giáo điều gắn liền với lối học từ chương, một sách trong rập khuôn theo "tứ thư, ngũ kinh", không vượt ra ngoài những điều "tứ viết". Chủ nghĩa quan liêu gắn liền với bộ máy cầm quyền rất xa dân.

(Xem tiếp trang 32)

trong đa số trường hợp, khi một cổ phiếu tăng giá, các cổ phiếu khác cũng tăng và ngược lại, khi một cổ phiếu giảm giá, các cổ phiếu khác cũng giảm giá trong đa số trường hợp. Kiểm định thống kê đối với các hệ số tương quan của 6 cổ phiếu này cho thấy khẳng định trên là chắc chắn. Như thế, nếu ta cho cả 6 cổ phiếu này vào một danh mục đầu tư thì tác dụng giảm thiểu rủi ro bằng đa dạng hóa sản phẩm đã bị triệt tiêu. Thứ ba, điểm đặc biệt là hệ số tương quan giữa giá của CAN và các cổ phiếu khác, chúng có giá trị tuyệt đối thấp và mang dấu âm. Như thế có nghĩa là giá của CAN thường biến đổi nghịch chiều so với các cổ phiếu REE, SAM, HAP, LAF và SGH. Nhưng vì giá trị tuyệt đối thấp nên khẳng định về xu hướng này là không chắc chắn. Kiểm định thống kê cho thấy chỉ có hệ số tương quan giữa CAN và HAP là đủ lớn và chắc chắn. Kết luận phải rút ra là chỉ có cổ phiếu của CAN và HAP là có hệ số tương quan chấp nhận được để tham gia vào một danh mục đầu tư giảm thiểu rủi ro nào đó.

Kết luận

Thị trường cổ phiếu Việt Nam còn rất

Bảng 4: Tương quan về giá giữa các cổ phiếu

	REE	SAM	HAP	TSM	LAF	SGH	CAN	DPC	VN-index
REE	1	0,98	0,71	0,96	0,90	0,60	-0,057	0,97	0,99
SAM	0,98	1	0,76	0,96	0,89	0,53	-0,061	0,97	0,99
HAP	0,71	0,76	1	0,73	0,84	0,13	-0,348	0,90	0,78
TSM	0,96	0,96	0,73	1	0,86	0,52	0,455	0,98	0,97
LAF	0,90	0,89	0,84	0,86	1	0,58	-0,059	0,97	0,93
SGH	0,60	0,53	0,13	0,52	0,58	1	-0,064	0,95	0,58
CAN	-0,057	-0,061	-0,348	0,455	-0,059	-0,064	1	-0,132	0,053
DPC	0,97	0,97	0,90	0,98	0,97	0,95	-0,132	1	0,99
VN-index	0,99	0,99	0,78	0,97	0,93	0,58	0,053	0,991	1,00

(Nguồn : tính toán từ báo Đầu tư chứng khoán, từ số 58/2001 đến số 109/2002, <http://www.stockmarket.vnn.vn>,...)

nhỏ cả về tuyệt đối lẫn tương đối, cả về số lượng cổ phiếu niêm yết, quy mô vốn, quy mô giao dịch và vòng quay vốn. Tuy nhiên, lợi suất về vốn của kinh doanh cổ phiếu ở Việt Nam cao hơn nhiều thị trường khác. Mặt khác và cũng là logic khi thị trường này có độ rủi ro cao, một mặt thể hiện ở chỗ mức biến động giá cao hơn nhiều lần so với mức trung bình chung của thế giới và mặt khác thể hiện ở chỗ các cổ phiếu có độ tương quan với nhau về giá quá cao. Với bối cảnh tăng trưởng kinh tế tương đối thuận lợi, nếu có sự tham gia niêm yết nhiều hơn của các cổ phiếu mới từ nhiều

ngành công nghiệp và dịch vụ khác nhau, cùng với sự hoàn thiện các định chế liên quan đến thị trường, thị trường cổ phiếu Việt Nam sẽ cũng cố được khả năng sinh lợi đồng thời giảm thiểu mức độ rủi ro hiện nay ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo đầu tư chứng khoán, từ số 58 (12/01/2001) đến số 109 (07/01/2002)
2. World Bank, 2001, "World Development Indicators", 2001, USA, các trang 278-281.
3. <http://www.stockmarket.vnn.vn>
4. <http://finance.yahoo.com> truy cập từ 03-07/01/2002.

(Tiếp theo trang 8)

Chiều cạnh văn hóa . . .

"Một chế độ chống sự "giàu có quá phận vị" tất không thừa nhận lối làm ăn "nhất bản vạn lợi". Một chế độ khuyến khích sự an phận giữ bản nghiệp tất chống lại cách làm ăn cầu may, trục lợi. Đó là mặt nghiệp, pháp luật ức chế, xã hội khinh bỉ. Thường nhân bị xếp vào hạng chột và ở vị trí nhục nhã đó, kẻ giàu có bằng thương nghiệp bị quan lại ức hiếp, sách nhiễu"(3). Nghề buôn không có điều kiện phát triển thành nghề buôn lớn mà chỉ dừng lại ở chỗ "mua rong, bán rong" quanh các chợ nông thôn, khá hơn chút đỉnh là những "chợ vùng" và một số "làng buôn", không hình thành nổi những trung tâm buôn bán lớn tách ra khỏi làng. Chế độ chuyên chế chống lên các làng xã tự trị và khép kín của những thứ bậc đẳng cấp được quy định sẵn trong tổ chức xã hội của vua quan và thứ dân bám chắc vào công điền công thổ.

Chúng quy lại, người dân chỉ có hai con đường để kiếm sống: một là đi cày hai là đi học. Đi cày thì suốt đời chân lấm tay bùn nhưng có cổ ngoi lên qua con đường đi học để có thể được làm quan hoặc làm thầy (tức là thầy đồ dạy học ở trong làng theo dạng "tiền vi quan, thoái vi sư") thì không phải ai cũng có thể ngoi lên được để theo con đường ấy. Cho nên, tuyệt đại bộ phận vẫn giữ nghề gốc là nghề cày ruộng! Tâm lý "nông vi bản" được củng cố vững chắc trong bối cảnh xã hội đó, một xã hội mà nền chuyên chế của nhà nước phong kiến không chú trọng mấy đến sản xuất và kinh doanh, chỉ sống bằng tô thuế, vì vậy chỉ cần giữ yên chứ không cần phát triển. Chủ nghĩa quan liêu nói ở trên được củng cố trên cái nền tảng này.

Trong cái xã hội "nông vi bản", doanh nghiệp và doanh nhân (đội quân chủ lực của sự hội nhập kinh tế quốc tế hôm nay) bị miệt thị, không có điều kiện phát triển. Họ bị đóng đinh trên đài dư luận "Khác màu người quý về thanh, Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn". Bọn "con buôn" ấy lại xuống cấp một bậc nữa với tên gọi "lũ con phe" trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, bác bỏ kinh tế thị trường ở miền Bắc sau năm 1954. Chẳng những thế, doanh nhân đồng nghĩa với giai cấp tư sản, đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải xóa bỏ bằng "công tư hợp doanh", bằng "cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh". Chính những cuộc cải tạo này đã in đậm dấu ấn của chủ nghĩa duy ý chí "lấy lòng mong muốn thay cho thực tế...điều nguy hiểm nhất là bất chấp quy luật của lịch sử, muốn đốt cháy giai đoạn, không tính đến điểm xuất phát về tình hình mọi mặt của nước ta lúc bấy giờ...quay lưng lại với biết bao sự thật hằng ngày diễn ra trước mắt mình để lao vào những sai lầm với những cái giá đắt phải trả. Rõ ràng đây là một sự thiếu sáng suốt trong nhận thức và hành động, trong lý luận và thực tiễn." (4)

Có lẽ một trong "những cái giá đắt phải trả" đó là việc xóa bỏ một lực lượng kinh tế có khả năng đóng góp to lớn vào sự nghiệp dân giàu nước mạnh, giờ đây buộc phải bắt tay vào xây dựng lại từ đầu để chuẩn bị cho sự hội nhập kinh tế quốc tế ■

Tài liệu dẫn và tham khảo:

- (1) Trần Đăng Khoa, *Người thường gặp*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2001, tr.11 và 16
- (2) C.Mác & Ph.Ăngghen toàn tập, Tập 21, NXBCTQG, 1995, tr. 421
- (3) Trần Đình Huộ, *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1996, tr. 64
- (4) Phạm Văn Đồng, *Văn hóa & đổi mới*, NXBCTQG, Hà Nội, 1994,